

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 25 – 9 – 2018

Về việc tranh chấp chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2018/TLPT- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp chia tài sản chung.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 153/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí Ng, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C.

2. Bà Nguyễn Thị Tr (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã Th, huyện Th, tỉnh C.

3. Ông Đặng Hoài D, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã Th, huyện Th, tỉnh C.

4. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã Th, huyện Th, tỉnh C.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Chí Ng, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Ph trình bày:

Trong quá trình chung sống, bà và ông Ng có một số tài sản chung gồm:

Một phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 12.130m² (theo đo đạc thực tế 12.648,3m²) tọa lạc tại ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau do ông Ng đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng cho 06 công; bà Ph và ông Ng có mua đường xỏ vuông của mẹ chồng 01 công, mua thêm phần đất sau hậu đất của chị chồng 03 công vào năm 1995. Giá trị phần đất bằng 360.000.000 đồng.

Một nhà cấp 4 gồm 2 căn trước sau, mái tol, vách tường, xây dựng trên phần đất nêu trên vào đầu năm 2016, giá trị khi xây dựng khoảng 400.000.000 đồng, giá trị còn lại khoảng 200.000.000 đồng;

3,8 lượng vàng 24k, bà Ph và ông Ng hùn với bà Nguyễn Thị Tr sang phần đất nuôi trồng thủy sản của ông Trần Văn H1 tại huyện Thới Bình. Sau đó, vợ chồng bà Ph không tiếp tục sang phần đất của ông H nên thỏa thuận để bà Tr và ông D sang, bà Tr đã giao số vàng 3,8 lượng cho ông Ng quản lý;

03 chỉ vàng 24k vợ chồng cho ông Lê Văn H mượn, ông H đã trả lại cho ông Ng vào tháng 01/2017, ông Ng đang quản lý;

Một chiếc võ Composite hiệu Kiên Giang dài 7,7m, giá trị khoảng 6.000.000 đồng;

Một chiếc xe gắn máy 110 (*không biết hiệu*), giá trị hiện tại khoảng 10.000.000 đồng;

Tất cả tài sản trên do ông Ng quản lý. Bà Ph yêu cầu phân chia cho bà và ông Ng mỗi người hưởng ½; bà Ph xin nhận nhà và đất, bà đồng ý trả giá trị nhà và đất cho ông Ng. Đối với chiếc võ và xe máy bà Ph yêu cầu hưởng giá trị, giao ông Ng hưởng hiện vật.

- Theo ông Ng trình bày:

Đối với phần đất, bà Ph trình bày không đúng, mà đất là của phụ âm cho lại ông Ng. Sau khi kết hôn năm 1994, đến khoảng năm 1995 cho vợ chồng cùng làm chung. Việc mua đường xỏ nước là không có, khi cho đất có một công xỏ vuông nên vợ chồng thống nhất trả tiền giá trị công xỏ xi măng cho mẹ ông là Phạm Thị M. Giá trị phần đất ông không xác định được và không đồng ý phân chia;

Một nhà cấp 4 xây dựng trên đất vào năm 2015, giá trị khi xây dựng khoảng 350.000.000đ, giá trị hiện tại không xác định được;

3,8 lượng vàng 24k ông Ng không có quản lý. Cách nay khoảng mười mấy năm vợ chồng có xuất ra 2,8 lượng vàng 24k để đặt cọc chuyển nhượng 08 công đất của ông H ở ấp 1 xã Thới Bình, huyện Thới Bình với giá 6,8 lượng vàng 24k. Vợ chồng có làm được 01 năm do không có lợi nhuận nên bỏ đất, chấp nhận bỏ số vàng đặt cọc và giao đất lại cho người em ruột của ông Ng tên Nguyễn Thị Tr sử dụng. Thời điểm đó, thấy bỏ số vàng đặt cọc thì tiếc nên bà Tr mới bù thêm số vàng còn lại để nhận đất sản xuất đến nay. Còn 2,8 lượng vàng 24K đặt cọc, do không chuyển nhượng đất nên bỏ cọc. Việc bà Ph trình bày bà Tr trả vàng cho ông Ng là không đúng;

Vợ chồng có cho ông H vay 03 chỉ vàng 24k, hiện tại ông H chưa trả;

Một vỏ composite Kiên Giang, mua khoảng năm 1998, hiện tại ông Ng quản lý nhưng đã hư hỏng;

Một chiếc xe Exciter hiện tại do bà Ph quản lý, phần này đã giải quyết trong bản án trước nên không đặt ra phân chia;

Một chiếc xe 110 (không biết hiệu) mua khoảng năm 2017, mua lại của ông Lê Văn U ở ấp Tân Điền A, Tạ An Khương, giấy tờ xe vẫn còn đứng tên ông Nguyễn Văn B, biển số 68S5 – 06360. Xe do ông Ng dành dụm mua, nên không đồng ý phân chia;

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Ph và ông Ng thỏa thuận: Số vàng 03 chỉ 24k; 3.000.000 đồng tiền bán chiếc vỏ composite hiệu Kiên Giang; 30.000.000 đồng trị giá của 28 chỉ vàng 24k đặt cọc sang đất ở Thới Bình chia đôi cho mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$. Ông Ng đồng ý giao lại cho bà Ph 1,5 chỉ vàng 24k và 16.500.000 đồng.

Phần đất nuôi trồng thủy sản bà Ph xin được hưởng $\frac{3}{10}$ giá trị; phần nhà bà Ph xin được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị, bà Ph đồng ý giao nhà và đất cho ông Ng quản lý. Ông Ng không đồng ý phân chia theo yêu cầu bà Ph; trường hợp Tòa án giải quyết chia, ông yêu cầu được nhận đất và nhà.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 153/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph.

1. Bà Nguyễn Thị Ph được hưởng với số tiền là 298.728.200 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k.

2. Ông Nguyễn Chí Ng được hưởng với số tiền là 450.507.800 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k.

3. Giao cho ông Nguyễn Chí Ng được tiếp tục quản lý, sử dụng 03 căn nhà, 01 mái che, 01 sân và phần đất có diện tích 12.648,3m² tọa lạc ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn V điểm M2M7M3, dài 320m (tính từ mé công xố vuông của ông Ng đến ranh chung với ông V là 1,5m);

Hướng Tây giáp phần đất của ông Dương Văn T điểm M1M6, dài 287,5m; điểm M5M4 dài 32,5m (từ điểm M5 đến vách nhà ông Ng có khoảng cách 06m);

Hướng Nam giáp sông Cây Mít Lớn điểm M3M4, dài 27,4m; điểm M5M6, dài 9,5m (điểm M6 có trụ đá làm chuẩn);

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn V điểm M1M2, dài 42m (điểm M2 lấy $\frac{1}{2}$ bờ làm chuẩn; điểm M1 có trụ đá làm chuẩn);

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

4. Buộc ông Nguyễn Chí Ng phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền là 298.728.200 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph về việc yêu cầu ông Nguyễn Chí Ng chia đôi 01 chiếc xe gắn máy 110 (không biết hiệu).

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 5.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ph được nhận lại số tiền chênh lệch là

3.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi do ông Nguyễn Chí Ng nộp.

- Ông Nguyễn Chí Ng phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 3.000.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Chí Ng phải có nghĩa vụ nộp số tiền 3.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ph.

7. Về án phí dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí dân sự với số tiền là 15.200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 4.514.000 đồng theo biên lai số 0009511 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà Nguyễn Thị Ph còn phải nộp 10.686.000 đồng tiền án phí dân sự.

- Ông Nguyễn Chí Ng phải chịu án phí dân sự với số tiền là 22.231.500 đồng (*chưa nộp*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/7/2018, ông Nguyễn Chí Ng có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: Bác yêu cầu phân chia đất và nhà của bà Nguyễn Thị Ph

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Ng; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ph và ông Ng chung sống với nhau năm 1994, không đăng ký kết hôn. Do trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà Ph yêu cầu xin ly hôn với ông Ng vào năm 2017. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 191 ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử không công nhận bà Ph là vợ chồng, giải quyết về phần con chung; phần tài sản chung do các đương sự có yêu cầu tự thỏa thuận nên không xem xét. Sau khi xét xử, do giữa bà Ph và ông Ng không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung nên bà Ph khởi kiện yêu cầu phân chia đối với tài sản chung gồm nhà, đất và những tài sản khác. Do bà Ph và ông Ng không được công nhận là vợ chồng nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Ph với ông Ng được xác định là yêu cầu phân chia tài sản chung, nên cần điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp mà án sơ thẩm đã xác định.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà Ph và ông Ng tự thỏa thuận được việc phân chia đối với các tài sản khác ngoài phần tài sản là nhà và đất. Đối với phần tài sản là nhà và đất do các đương sự không tự thỏa thuận được nên cấp sơ thẩm xem xét quyết định việc phân chia và chấp nhận yêu cầu của bà Ph. Do không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm về việc phân chia đối với phần tài sản

nhà và đất nên ông Ng kháng cáo. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Chí Ng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với phần nhà ở (gồm cả mái che và sân): Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Ng đều thừa nhận đây là tài sản do ông và bà Ph tạo lập trong thời gian còn chung sống với nhau; nên được xác định là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Ng và bà Ph. Do đó yêu cầu của bà Ph phân chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản đối với phần nhà ở là phù hợp với quy định pháp luật. Theo biên bản định giá tài sản ngày 09/02/2018, giá trị phần nhà ở (gồm 03 căn nhà, máy che và sân) bằng 336.787.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Ph, giao 03 căn nhà (gồm cả mái che và sân) cho ông Ng tiếp quản lý sử dụng, buộc ông Ng phải giao lại cho bà Ph $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản với số tiền bằng 168.393.500 đồng là phù hợp.

Đối với phần đất nuôi trồng thủy sản: Bà Ph và ông Ng trình bày có sự mâu thuẫn với nhau về nguồn gốc phần đất. Nhưng theo biên bản xác minh đối với cụ Phạm Thị M thể hiện cụ M không có chuyển nhượng 01 công đất cho bà Ph và ông Ng như bà Ph trình bày; đồng thời cụ M cũng khẳng định bà Nguyễn Thị Rợ là con ruột của cụ không có chuyển nhượng 03 công đất cho bà Ph và ông Ng. Đối với bà R, do không còn ở địa phương nên Tòa án không làm việc được. Quá trình giải quyết vụ án bà Ph cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc sang nhượng đất cụ M và bà R như bà Ph trình bày. Theo hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất giữa cụ M và ông Ng năm 2003 thể hiện diện tích đất cụ M chuyển quyền sử dụng đất cho ông Ng 12.130m² (diện tích theo đo đạc thực tế 12.648,3m²). Như vậy, lời trình bày của ông Ng nguồn gốc đất được cụ M cho là có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm ông Ng đều thừa nhận phần đất cụ M cho chung ông với bà Ph; mặc dù phần đất nêu trên do ông Ng đứng tên quyền sử dụng đất nhưng được xác định là tài sản chung của ông Ng và bà Ph, nên yêu cầu của bà Ph phân chia đối với phần đất nêu trên là có cơ sở. Theo biên bản định giá tài sản ngày 09/02/2018 thể hiện diện tích đất 12.648,3m² bà Ph yêu cầu phân chia có giá trị bằng 379.449.000 đồng. Xét nguồn gốc đất và công sức đóng góp của bà Ph và ông Ng đối với phần đất nêu trên, xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Ph, phân chia cho bà Ph được hưởng theo tỷ lệ 3/10 giá trị của phần đất bằng 113.834.700 đồng là phù hợp.

[3] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm ông Ng phải chịu theo quy định.

[5] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Chí Ng. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 153/2018/HNGĐ-ST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau về phần án phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị Ph được hưởng giá trị phần tài sản (gồm nhà, đất và các tài sản khác) bằng 298.728.200 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k.

- Phân chia cho ông Nguyễn Chí Ng được hưởng giá trị phần tài sản (gồm nhà, đất và các tài sản khác) bằng 450.507.800 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k.

- Giao cho ông Ng được tiếp tục quản lý sử dụng 03 căn nhà, 01 mái che, 01 sân và phần đất có diện tích 12.648,3m² tọa lạc ấp Tân Điền B, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau do ông Ng đang quản lý.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Buộc ông Ng có nghĩa vụ giao cho bà Ph số tiền 298.728.200 đồng (giá trị phần tài sản bà Ph được phân chia) và 1,5 chỉ vàng 24k

Kể từ ngày bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph về việc yêu cầu ông Nguyễn Chí Ng chia đôi 01 chiếc xe gắn máy 110 *(không biết hiệu)*.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Ph phải 2.000.000 đồng; ông Ng phải chịu 3.000.000 đồng. Do bà Ph đã nộp 5.000.000 đồng, nên buộc ông Ng có nghĩa vụ nộp trả lại cho bà Ph số tiền 3.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ph phải chịu 15.200.000 đồng; ông Ng phải chịu 22.231.500 đồng. Bà Ph đã dự nộp 4.514.000 đồng theo biên lai thu số 0009511 ngày 27/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ bà Ph còn phải nộp 10.686.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Ng phải chịu 300.000 đồng; ông Ng đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010188 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập